

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Án số: 175/2017/HSST

Ngày 16 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Huyền**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Trọng Phúc**

- Ông **Vũ Tiến Thịnh.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Khánh Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa : Bà **Vũ Thị Thanh** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM ĐỨC B** – Sinh ngày 01/8/1974

ĐKHK và chỗ ở: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh T

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Phạm Văn U (đã chết); Con bà: Bùi Thị N (đã chết)

Gia đình có 06 anh, chị em, bị cáo là con thứ năm.

Vợ: Lê Thị L - SN 1972; Có 02 con, con lớn SN 2001, nhỏ SN 2005

* *Nhân thân*: Bản án hình sự sơ thẩm số 06 ngày 27/02/1998 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xử phạt Phạm Đức B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm.

**Tiền án, tiền sự*: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/7/2017 đến ngày 04/7/2017 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình. (Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

- Ông Phạm Bá T - SN 1960; Trú quán: SN 57/02, tổ 50, phường Q, Thành phố T. (*Vắng mặt*)

- Ông Phạm Hải H - SN 1950; Trú quán: SN 03, tổ 38, phường Q, Thành phố T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 30/6/2017, Phạm Đức B điều khiển xe mô tô hiệu Naori biển số 17H8 - 4264 từ nhà đến khu vực đường P, tổ 48, phường Q, Thành phố T, tỉnh T mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây, B gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 gói nhỏ ma túy giá 200.000 đồng. B cất gói ma túy vào túi quần bên phải rồi đi tìm nơi sử dụng, khi đang đi thì bị tổ công tác công an phường Q, Thành phố T yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của người làm chứng là ông Phạm Bá T - SN 1960; Trú quán: SN 57/02, tổ 50, phường Q, Thành phố T và ông Phạm Hải H - SN 1950; Trú quán: SN 03, tổ 38, phường Q, Thành phố T; B đã tự giác lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói nhỏ bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, B khai nhận đó là heroin mua về sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã mời người làm chứng và yêu cầu B về trụ sở Công an phường Q, Thành phố T tiến hành kiểm tra người và xe

nhưng không phát hiện, thu giữ gì. Sau đó, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, biên bản quản lý phương tiện.

Bản kết luận giám định số 296/KLGD-PC54 ngày 01/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại heroin, có trọng lượng 0,3931 gam*”.

Bản cáo trạng số 175/KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Đức B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Đức B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng: Khoản 1- Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 - Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm c, khoản 3, Điều 7; khoản 1 - Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Đức B mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 01/7/2017.

- **Về vật chứng của vụ án** : Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án , bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên , Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa , bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra , truy tố, phù hợp với các tài liệu , chứng cứ như : Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 15 phút ngày 24/7/2017 (bút lục số 03 - 04); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 22); Kết luận giám định số 322/KLGD - PC54 ngày 25/7/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 25); bản tự khai của người làm chứng (bút lục số 50 - 53). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước . Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

.....

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015;

HĐXX căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, năn nỉ cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 BLHS. Ngoài ra bố bị cáo là ông Phạm Văn Út có huy chương chiến sỹ giải phóng, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 - Điều 46 BLHS.

- Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 1998 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xử phạt Phạm Đức B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định bản án.

Bản thân bị cáo đã có thời gian đi cải tạo, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học và sửa chữa, rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình vào ngày 01/7/2017 mua số lượng ma túy để tiếp tục sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tuyên một mức án tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét thấy bị cáo mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về vật chứng vụ án:

- Về nguồn gốc số ma túy, theo B khai mua của một người nam gi ới khoảng 40 tuổi không quen bi ết tên và địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Naori biển số 17H8 - 4264 qua điều tra xác định đăng ký xe mang tên chị Bùi Thị M - SN 1974; Trú tại: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh T. Chị M khai năm 2010 đã bán chiếc xe trên cho anh Khiếu Hữu T - SN 1976; Trú tại: Thôn Đ, xã T, Thành phố T. Đến năm 2011 anh T bán chiếc xe trên cho một người không tên và địa chỉ (không có giấy tờ mua bán). Theo Phạm Đức B chiếc xe trên, B mượn của anh Nguyễn Đức T - SN 1971; Trú tại: Khu M, thị trấn V, huyện V, tỉnh T vào ngày 30/6/2017, khi mượn B không nói cho anh T biết việc dùng xe để đi mua ma túy. Phía anh T khai, anh mua chiếc xe trên vào tháng 12/2016 của một người nam giới không biết tên, địa chỉ tại khu T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T (không có giấy tờ mua bán). Hiện anh T đã làm mất giấy đăng ký xe, chiếc xe trên chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, vì vậy cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau. HĐXX xét thấy phù hợp, cần chấp nhận.

Về án phí Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy.*”

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 01/7/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy trong vụ án được hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 296/KLGD.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Đức B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/10/2017./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền

